TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST
Ngày: 08/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* bà **Vương Thị Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. bà **Nguyễn Kim Liên**

2. bà **Phạm Thị Thu Hường**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Vũ Đức Thắng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* ông **Đinh Hồng Khanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo: Trần Văn T; tên gọi khác: không; sinh ngày 24/01/1995 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 5, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Trần Ngọc Q và bà Đào Thị A; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt ngày 04/5/2022, hiện đang tạm giam, có mặt.

2. Bị hại: chị Đào Thị M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn 6, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: khu 4, phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/4/2022 Trần Văn T đến làm thuê tại xưởng gỗ của gia đình chị Đào Thị M thuộc thôn 6, xã L, huyện H và ăn ở tại gia đình chị M. Khoảng 02 giờ ngày 17/4/2022, T thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 14K2 - 6818 của gia đình chị M dựng tại xưởng xẻ gỗ, mọi người đã ngủ. T nảy sinh ý định chiếm đoạt, đã lén lút đến cửa ra vào phòng ngủ của chị M lấy chìa khóa xe, mở khóa rồi điều khiển đến hiệu sửa chữa xe máy của anh Hoàng Văn Đ ở phường H, thành phố C. T nói là xe của T mất giấy tờ nên anh Đ đồng ý mua với giá

1.000.000 đồng, T đã ăn tiêu hết. Ngày 04/5/2022, T đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 10/5/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu trắng ghi, biển kiểm soát 14K2 - 6818, số máy 5SD1-53828, số khung 5SD1-53828 có giá trị là 3.200.000đ *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng).* (Bút lục số 25).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình.

Bị hại Đào Thị M vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra cho biết, ngày 16/4/2022, chị nhận Trần Văn T vào làm công nhân tại xưởng gỗ của mình tại thôn 6, xã L, huyện H. Tối ngày 16/4/2022 chị điều khiển xe máy biển kiểm soát 14K2-6818 đi có việc về, chị khóa cổ xe và để trong khu vực xưởng gỗ rồi cất chìa khóa ở gian phòng kế bên. Sáng ngày 17/4/2022 chị phát hiện xe máy đã không còn ở xưởng gỗ nữa và T cũng không có mặt tại xưởng. Chị gọi điện thoại cho T thì T nói đã lấy trộm xe của chị mang đi bán nên chị đến Công an trình báo. Quá trình điều tra, chị đã được trả lại xe máy bị mất và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra như sau: anh Đ là chủ cửa hàng sửa chữa xe máy tại khu 4, phường H, thành phố C. Khoảng 8 giờ sáng ngày 07/4/2022, T là người quen cũ của anh tới cửa hàng bảo có một chiếc xe máy muốn bán, anh Đ hỏi giấy tờ xe thì T nói do xe cũ nên giấy tờ đã mất và đồng ý bán với giá 1.000.000 đồng. Anh không biết xe do T trộm cắp mà có. Quá trình điều tra, anh đã giao nộp lại chiếc xe để phục vụ điều tra. Anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng anh đã bỏ ra để mua xe do số tiền nhỏ.

Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 15 giờ ngày 04/5/2022 thể hiện: khoảng 02 giờ ngày 17/4/2022, Trần Văn T nảy sinh ý đồ trộm cắp tài sản của chị M, lợi dụng lúc mọi người ngủ say, T lén lút lấy chìa khóa rồi điều khiển xe máy của chị M xuống C bán cho anh Hoàng Văn Đ được 1.000.000 đồng rồi tiêu xài hết.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKSHH ngày 08/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Trần Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt: Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, mớm cung, đánh đập, do đó đủ cơ sở xác định: ngày 17/4/2022, tại xưởng gỗ của gia đình chị Đào Thị M ở thôn 6, xã L, huyện H, Trần Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14K2-6818 của chị Đào Thị M trị giá 3.200.000đ *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)*. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 33/CT-VKSHH ngày 08/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với Trần Văn T là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có khả năng lao động kiếm sống nhưng không làm công việc chân chính mà trộm cắp tài sản của người khác để tiêu xài cho bản thân, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, cần xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đồng thời sau khi phạm tội ra đầu thú. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về hình phạt đối với bị cáo: bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã thu giữ trả lại cho bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích. Cần trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[7] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 14K2-6818 đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Đào Thị M, Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh Hoàng Văn Đ bỏ ra để mua xe máy của bị cáo, bị cáo đã tiêu xài hết, anh Đ không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Đối với Hoàng Văn Đ khi mua xe của Trần Văn T không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không cấu thành tội phạm.

[9] Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[10] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo,** thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/7/2022).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho bị cáo Trần Văn T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Toà án: bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1, khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Nhà tạm giữ Công an huyện H;
- Cơ quan Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thanh